TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1256/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tiến S; nơi cư trú: Số 49, phố TQT, tổ dân phố BĐ II, thị trấn NĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị B; nơi cư trú: LonDon, Vương Quốc Anh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến S trình bày: Anh và chị Vũ Thị B kết hôn tự nguyện, có cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 01 tháng 8 năm 2016. Sau khi kết hôn chị B S Anh sinh sống còn anh vẫn ở lại Việt Nam nên hai người không sinh sống cùng nhau. Trong thời gian kết hôn vợ chồng có xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do mỗi người sống một nước nên vợ chồng không có thời gian quan tâm, chăm sóc nhau. Anh chị đã ly thân đến nay đã được 02 năm. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị B. Giữa anh và chị Vũ Thị B không có con chung, tài sản chung.

Trong các bản tự khai gửi về Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là chị Vũ Thị B trình bày: Chị thống nhất với anh S về quá trình kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung và tài sản chung. Bản thân chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, chị đồng ý ly hôn với anh S để chị sớm ổn định cuộc sống riêng. Giữa chị và anh S không có con chung, tài sản chung.

Do chị Vũ Thị B hiện đang ở nước ngoài và không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, cả anh Nguyễn Tiến S và chị Vũ Thị B cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Tiến S và chị Vũ Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 01 tháng 8 năm 2016, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Vũ Thị B hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Vũ Thị B đang sinh sống ở nước ngoài, tài liệu chị gửi về đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Vương Quốc Anh và Bắc Ai Len xác nhận, chị có đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho anh S nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị. Anh Nguyễn Tiến S đã nhận tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng anh có đơn xin xét xử vắng mặt do anh bận công việc anh không tham dự phiên tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh S, chị B.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự có cơ sở xác định: Từ sau khi kết hôn, giữa chị Vũ Thị B anh Nguyễn Tiến S không có cuộc sống chung vợ chồng. Nguyên nhân là do chị Vũ Thị B đi sang Vương Quốc Anh sinh sống nên vợ chồng không có điều kiện gần gũi, chăm sóc và gắn kết tình cảm. Lời khai của anh Nguyễn Tiến S và chị Vũ Thị B thống nhất với ý kiến đại diện gia đình của anh chị. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tiến S, chị Vũ Thị B đã thực sự không tồn tại trên thực tế từ sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh Nguyễn Tiến S xin ly hôn và chị Vũ Thị B đồng ý là hoàn toàn

chính đáng . Cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh Nguyễn Tiến S.

[4] Về nuôi con và chia tài sản: Anh Nguyễn Tiến S, chị Vũ Thị B khai thống nhất không có con chung, không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Tiến S là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Nguyễn Tiến S và chị Vũ Thị B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến S được ly hôn với chị Vũ Thị B.

2. Về nuôi con và chia tài sản: Anh Nguyễn Tiến S, chị Vũ Thị B không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm . Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010770 ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Anh Nguyễn Tiến S đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Nguyễn Tiến S được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Vũ Thị B được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSNDthành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thu Hương